



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng KCS
Laboratory:	KCS Department
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất
Organization:	The First Chemical Plastic Co., Ltd
Số hiệu/ Code:	VILAS 1305
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Cơ
Field:	Mechanical
Người quản lý/ Laboratory manager:	Ngô Mạnh Luân
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Từ ngày /08/2026 đến ngày /08/2031
Địa chỉ:	Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh
Address:	Lot B02, Road No.3, Duc Hoa Industrial Park, Hamlet 5, My Hanh commune, Tay Ninh province
Địa điểm:	Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Mỹ Hạnh, tỉnh Tây Ninh
Location:	Lot B02, Road No.3, Duc Hoa Industrial Park, Hamlet 5, My Hanh commune, Tay Ninh province
Điện thoại/ Tel:	0272 3779 399
Email:	thanhngoan.dn@gmail.com
Website:	nhuadenhat.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1305****Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ***Field of testing: Mechanical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Ống và phụ tùng uPVC, HDPE, PP-R <i>Pipes and fittings of uPVC, HDPE, PP-R</i>	Xác định kích thước: - Đường kính ngoài - Chiều dày thành - Độ Oval <i>Determination of dimension:</i> - <i>Outside diameter</i> - <i>Wall thickness</i> - <i>Oval</i>	Đến/ <i>Upto</i> : φ (20 ~ 1 200) mm	TCVN 6145:2007
2.	Ống và phụ tùng uPVC <i>Pipes and fittings of uPVC</i>	Xác định độ bền va đập bên ngoài. Phương pháp vòng tuần hoàn <i>Determination of resistance to external blows.</i> <i>Round-the-clock method</i>	φ (20 ~ 450) mm	TCVN 6144:2003
3.	Hạt nhựa PE <i>PE material</i>	Xác định chỉ số chảy khối lượng MFR. Quy trình A <i>Determination of the melt mass-flow rate (MFR).</i> <i>Procedure A</i>	-	Điều kiện thử/ <i>Testing condition</i> : ISO 4427-2:2007 Thử/ <i>Testing</i> : ISO 1133-1:2022
4.	Ống nhựa uPVC, HDPE, PP-R Phụ kiện ống nhựa uPVC, HDPE, PP-R <i>Pipes of uPVC, HDPE, PP-R</i> <i>Fittings of uPVC, HDPE, PP-R</i>	Xác định độ bền với áp suất thủy tĩnh bên trong ở 20 °C; 80 °C <i>Determination of resistance to hydrostatic internal pressure at 20 °C; 80 °C</i>	Đến/ <i>To</i> 100 bar	TCVN 6149-1:2007 TCVN 6149-2:2007 TCVN 6149-3:2009

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1305**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
5.	Ống nhựa uPVC <i>Pipes of uPVC</i>	Xác định tính chất kéo: - Ứng suất khi đứt; - Độ giãn dài khi kéo đứt.	(1 000 ~ 16 000) N	TCVN 7434-1:2020 TCVN 7434-2:2004
	Ống nhựa HDPE, <i>Pipes of HDPE</i>	<i>Determination of tensile properties:</i> - <i>Stress at yield;</i> - <i>Elongation at break.</i>		TCVN 7434-3:2020

Ghi chú/ Notes:

- ISO: *International Organization for Standardization*

Trường hợp Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH hóa nhựa Đệ Nhất phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for The First Chemical Plastic Co., Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

